

Bản án số: **40/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 08 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tuyên
- Ông Lê Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 459/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 651/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 556/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đoàn Phương K**, sinh năm 1992

Số Căn cước công dân: 079192007***; ngày cấp: 17/4/2025

Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ: Q40 N, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1991

Số Căn cước công dân: 079091020048; ngày cấp: 04/4/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: Căn hộ T, KDC AB, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Đoàn Phương K trình bày: Bà K và ông Trần Minh T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2022, do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 05, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/02/2022. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai ly thân nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà K xác nhận quá trình chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Bà K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà K xác nhận không có.

Do bận công việc nên bà K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra bà K không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đoàn Phương K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Đoàn Phương K nộp đơn xin ly hôn với ông Trần Minh T tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Minh T hiện đang cư trú tại xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời

trình bày của bà K và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 do Ủy ban nhân dân phường 05, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/02/2022 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Đoàn Phương K và ông Trần Minh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà K hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà K thì quan hệ vợ chồng của bà K và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai ly thân nhau từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, do ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Đoàn Phương K xác nhận bà và ông T chung sống với nhau không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Đoàn Phương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Đoàn Phương K đối với ông Trần Minh T.

Bà Nguyễn Đoàn Phương K được ly hôn với ông Trần Minh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 do Ủy ban nhân dân Phường 05, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/02/2022 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Đoàn Phương K chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010702 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM (01);
- VKSND TP. HCM (01);
- VKSND KV10 -TP. HCM (01);
- THADS TP. HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (01);
- Lưu hồ sơ (03).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nguyễn Thanh Thảo